

Bản án số: 402/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền;
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 620/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 638/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái B – Sinh năm: 1974

Địa chỉ: A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp,HCM

Tạm trú: C đường D, phường E, Quận Phú Nhuận

Bị đơn: Bà Dương Thị P – Sinh năm: 1969

Địa chỉ: A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp,HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2019, bản tự khai ngày 26/7/2019, lời trình bày tại các biên bản không tiến hành hòa giải được do vắng mặt một bên đương sự, nguyên đơn ông Nguyễn Thái B trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Dương Thị P có tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 23 ngày 27/01/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phô, Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Theo ông B thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không có cuộc sống hòa hợp làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông và bà P đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cũng từ năm 2015 đến nay ông và bà P cũng không còn chung sống với nhau. Ông B xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thái Giả H, sinh ngày 20/8/2003. Hiện nay trẻ H đang sống chung cùng bà P do đó ông đồng ý giao trẻ H cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng: hàng tháng ông cấp dưỡng 5.000.000 đồng cho con cho đến khi trẻ H trưởng thành.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Ông B xác định không có.

Ông tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Dương Thị P nhưng bà P không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Thái B và bà Dương Thị P kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số 23 ngày 27/01/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phô, Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Nay ông B có yêu cầu ly hôn là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Thái B yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị P. Do bà P đang cư trú tại địa chỉ số A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ông Nguyễn Thái B xin ly hôn với bà Dương Thị P với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2015 đến nay mà không cải thiện được.

Ông B cung cấp Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 25/7/2019 cho thấy từ thời gian năm 2015 đến nay ông B đang sinh sống tại 37/1A Đỗ Tấn Phong, phường 9, Quận Phú Nhuận, bà P sinh sống tại A ấp B, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau 04 (bốn) năm nay. Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân cũng cho thấy giữa Ông B và bà P đã sống ly thân ba đến bốn năm nay mà vẫn không hàn gắn lại được.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với ông B cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên bà P vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà P là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thái B đối với bà Dương Thị P.

[3.2] Về con chung: Ông B đồng ý giao con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét trẻ Nguyễn Thái Giả H hiện đang còn nhỏ, lại đang trực tiếp do bà P chăm sóc nuôi dưỡng kể từ lúc hai vợ chồng sống ly thân đến nay, nên việc giao con cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo nguyện vọng của trẻ tại các bản tự khai ngày 26/7/2019. Ghi nhận việc Ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung: Ông B xác định không có.

[3.4] Về nợ chung: Ông B xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Thái B có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0034252 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Ông B đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn bà Dương Thị P.

- Về nội dung:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Thái B được ly hôn với bà Dương Thị P.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Thái Giả H, sinh ngày 20/8/2003. Hiện trẻ H đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao trẻ Nguyễn Thái Giả H cho bà Dương Thị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Nguyễn Thái B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng thực hiện từ tháng 10/2019 cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông B xác định không có.

- Về nợ chung: Ông B xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Thái B có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0034252 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

Ông Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường Cẩm Phô, Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Linh